

ỦY BAN DÂN TỘC

Số: *36* /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày *31* tháng *01* năm *2018*

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Kế hoạch tổ chức đoàn đi kiểm tra, nắm tình hình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại một số tỉnh vùng Tây Nam bộ

BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC

- Căn cứ Nghị định số 13/2017/NĐ-CP ngày 10/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

- Căn cứ Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Địa phương III và Chánh Văn phòng Ủy ban Dân tộc,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch tổ chức đoàn đi kiểm tra, nắm tình hình thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 tại một số tỉnh vùng Tây Nam bộ (có Kế hoạch chi tiết kèm theo).

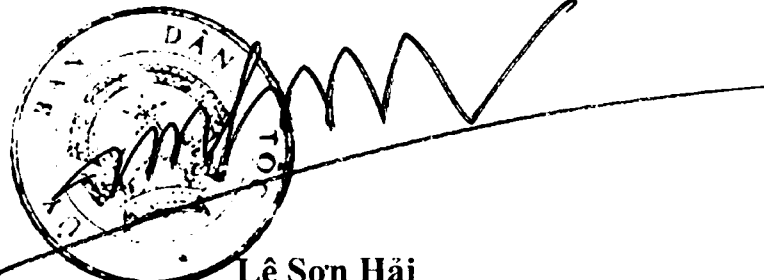
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban, Vụ trưởng Vụ Địa phương III, Thủ trưởng các Vụ, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Văn phòng Ủy ban;
- Vụ Địa phương III;
- Công TTĐT UBND;
- Lưu: VT, HC-TK, KT-TV (02). 8

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM
THỦ TRƯỞNG, PHÓ CHỦ NHIỆM**


Lê Sơn Hải



ỦY BAN DÂN TỘC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KẾ HOẠCH

Tổ chức đoàn đi kiểm tra, nắm tình hình thực hiện

Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020

tại một số tỉnh vùng Tây Nam bộ

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018

của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Kiểm tra kết quả thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020;

- Tình hình phát triển kinh tế - xã hội: sản xuất và đời sống, y tế, giáo dục, văn hóa xã hội, đào tạo nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo vùng đồng bào dân tộc; tình hình thiếu đói, dịch bệnh, thiếu nước sinh hoạt và các nhu cầu thiết yếu khác...; tình hình an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, những vấn đề nổi cộm (nếu có) ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số; hoạt động tôn giáo; tình hình dân di cư tự do trên địa bàn... nhiệm vụ, giải pháp, kiến nghị đề xuất và bài học kinh nghiệm trong công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện trong thời gian tiếp theo;

- Nắm tình hình đời sống của đồng bào vùng dân tộc thiểu số, đặc biệt là công tác chăm lo, hỗ trợ đồng bào dân tộc thiểu số nghèo trong dịp Tết nguyên đán Mậu Tuất năm 2018;

- Đảm bảo về nội dung, thời gian, thành phần theo kế hoạch đề ra.

II. NỘI DUNG

- Làm việc với Ban Dân tộc tỉnh nghe báo cáo tình hình phát triển kinh tế - xã hội, sản xuất và đời sống, y tế, giáo dục, văn hóa xã hội, an ninh chính trị trên địa bàn; tình hình triển khai thực hiện công tác dân tộc và kết quả thực hiện chính sách dân tộc đặc biệt là kết quả triển khai thực hiện Quyết định số 1722/QĐ-TTg, ngày 02/9/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 năm 2017, đề xuất nhiệm vụ và giải pháp triển khai thực hiện trong năm 2018 của tỉnh. Đề nghị mời đại diện Lãnh đạo các Sở, ban, ngành liên quan của tỉnh thuộc các lĩnh vực cùng tham dự làm việc.

- Làm việc với UBND huyện (01 huyện do tỉnh chọn); nghe báo cáo tình hình thực hiện công tác dân tộc năm 2017 của huyện và thăm, kiểm tra thực tế tại 01 xã của huyện do UBND tỉnh chỉ đạo.

III. THÀNH PHẦN, ĐỊA ĐIỂM VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

1. Tỉnh Sóc Trăng và Cà Mau:

- Đồng chí Lê Sơn Hải, Thứ trưởng, Phó Chủ nhiệm - Trưởng đoàn.
- Đồng chí Huỳnh Thị SôMaLy, Vụ trưởng Vụ Địa phương III - Phó đoàn.
- Lãnh đạo, công chức một số Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban Dân tộc.

2. Các tỉnh Trà Vinh và Kiên Giang:

- Đại diện lãnh đạo Vụ trưởng Vụ Địa phương III - Trưởng đoàn.
- Lãnh đạo phòng, công chức Vụ Địa phương III.

3. Thời gian: Dự kiến từ ngày 04/02 đến ngày 09/02/2018.

IV. KINH PHÍ

- Dự kiến: **45.000.000 đồng** (*Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn*).
- Nguồn kinh phí: Thực hiện Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2016-2020 giao Ủy ban Dân tộc năm 2018.

(Dự toán chi tiết kèm theo)

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

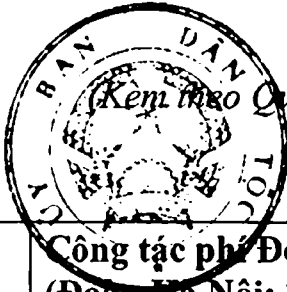
- Vụ Địa phương III tham mưu cho lãnh đạo Ủy ban chuẩn bị các nội dung liên quan phục vụ các buổi làm việc tại địa phương; đôn đốc các Ban Dân tộc trong khu vực xây dựng báo cáo theo đề cương gửi Ủy ban Dân tộc (*qua Vụ Địa phương III*).

- Văn phòng Ủy ban phối hợp với Vụ Địa phương III xây dựng kế hoạch, thẩm định, thanh toán kinh phí.

- Các Vụ, đơn vị liên quan của Ủy ban Dân tộc chuẩn bị nội dung, tham gia Đoàn công tác và trả lời các vướng mắc trong triển khai, thực hiện chính sách dân tộc tại địa phương.

- Vụ Địa phương III chủ trì, tham mưu giúp Lãnh đạo Ủy ban, phối hợp với Văn phòng Ủy ban, các Vụ, đơn vị thực hiện các nội dung Kế hoạch./.

ỦY BAN DÂN TỘC



DỰ TOÁN KINH PHÍ

(Kèm theo Quyết định số 36/QĐ-UBND ngày 31 tháng 01 năm 2018
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)

| I Công tác phí Đoàn đi công tác tại tỉnh Sóc Trăng, Cà Mau (Đoàn Hà Nội: 2 người; Vụ Địa phương III: 4 người) | | | | 35.200.000 |
|--|--|-----|-----------|-------------------|
| 1 | Vé máy bay (VP đặt mua, tạm tính) | 02 | | 20.000.00 |
| 2 | Công tác phí: 02 người x 200.000đ/người x 05 ngày | 10 | 200.000 | 2.000.000 |
| 3 | Khoản ngủ LĐUB 04 đêm x 1.000.000đ/đêm | 04 | 1.000.000 | 4.000.000 |
| 4 | Khoản ngủ chuyên viên Văn phòng UBND: 01 người x 400.000đ/đêm x 04 đêm | 04 | 400.000 | 1.600.000 |
| 5 | Công tác phí cho: 04 người x 200.000đ/người x 02 ngày | 08 | 200.000 | 1.600.000 |
| 6 | Khoản ngủ 04 người Vụ Địa phương III: 04 người x 350.000đ/đêm x 01 đêm | 04 | 350.000 | 1.400.000 |
| 7 | Xăng xe: 1.000km x 20l/100km x 20.500đ/lít | 200 | 20.500 | 4.100.000 |
| 8 | Phí, lệ phí | | | 500.000 |
| II Đoàn Vụ Địa phương III đi các tỉnh Trà Vinh, Kiên Giang | | | | 9.800.000 |
| 1 | Công tác phí: 04 người x 200.000đ x 03 ngày ngoại tỉnh | 12 | 200.000 | 2.400.000 |
| 2 | Khoản ngủ 04 người x 350.000đ/người x 02 đêm | 08 | 350.000 | 2.800.000 |
| 3 | Xăng xe: 1.000km x 20l/100km x 20.500đ/lít | 200 | 20.500 | 4.100.000 |
| 4 | Phí, lệ phí | | | 500.000 |
| Tổng cộng (I) + (II) | | | | 45.000.000 |

Bằng chữ: Bốn mươi lăm triệu đồng chẵn./.